

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 640/2025/DS-PT
Ngày: 17-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 và 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng góp hội.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc (khu V), tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 374/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An;

Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp L, xã P, tỉnh Tây Ninh

- *Bị đơn:* Bà Trần Thu T, sinh năm 1959 và ông Ngô Tấn L, sinh năm 1938. Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An;

Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp L, xã P, tỉnh Tây Ninh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An;

Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp L, xã P, tỉnh Tây Ninh

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2022 của nguyên đơn, cùng những lời trình bày như sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2007 bà có chơi hội do bà Trần Thu T và chồng bà T là ông Ngô Tấn L làm chủ hội. Các giấy ghi hội là do ông L viết. Bà tham gia 02 dây hội gồm:

Dây hội thứ nhất là hội tháng, mỗi tháng là 500.000 đồng/phần hội, dây hội này gồm có 23 phần, bà tham gia 04 (bốn) phần. Bà đóng tiền cho bà T và ông L đến ngày 25 tháng 4 năm 2009 âm lịch thì hót 04 phần hội trên. Số tiền hót mỗi phần hội là 10.100.000 (mười triệu một trăm nghìn) đồng. Bốn phần hót được với số tiền là 40.400.000 đồng. Số tiền hót hội bà T, ông L chưa giao tiền cho bà. Bà hót hội gần mãn dây hội. Số tiền hội còn lại bà đã đóng đầy đủ cho bà T, ông L. Mỗi phần hội chết đóng số tiền là 500.000 đồng/tháng. Bà đóng lại 05 tháng, số tiền đóng tiền hội chết là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền đóng 04 phần hội cho bà T, ông L bao gồm hội chết là 50.400.000 đồng.

Dây hội thứ hai là hội tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng/phần hội, dây hội này gồm có 20 phần, bà tham gia 02 phần. Bà đóng tiền cho bà Trần Thu T và ông Ngô Tấn L đến ngày 05 tháng 02 năm 2009 âm lịch thì hót 02 phần hội trên, số tiền hót mỗi phần hội là 75.500.000 đồng. Hai phần hót được số tiền là 151.000.000 đồng. Tuy nhiên, do sơ sót nên ông L chỉ lập 01 tờ giấy ghi nhận việc hót hội và ghi số tiền hót hội là 75.500.000 đồng, nhưng trong đó có trừ 5.000.000 đồng tiền hoa hồng của chủ hội đối với 02 phần hội (2.500.000 đồng/phần). Trong thời gian Tòa án chuẩn bị xét xử, bà có đến gặp ông L để yêu cầu ông L xác nhận bà tham gia 02 phần hội của dây hội này và số tiền hót hội là 75.500.000 đồng $\times 2 = 151.000.000$ đồng nhưng ông L không xác nhận. Số tiền hót hội bà T vẫn chưa giao cho bà. Sau đó, bà đóng hội chết lại cho bà T, ông L 80.000.000 đồng tương ứng 40.000.000 đồng/phần (08 phần còn sống).

Như vậy, bà T và ông L nợ bà số tiền hội của 02 dây tổng cộng là 191.400.000 đồng. Mặc dù, bà đòi nhiều lần nhưng bà T, ông L không trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà T và ông L liên đới trả cho bà số tiền hội còn nợ là 191.400.000 đồng. Ngoài số tiền hội này, thì bà T và ông L không còn nợ tiền hội bà. Tiền bà tham gia góp hội là tiền chung của bà và chồng bà ông Nguyễn Hoàng Q.

Bị đơn bà Trần Thu T có lời trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 25 tháng 4 năm 2007 bà Đ có chơi hội do bà làm chủ thảo. Bà thừa nhận dây hội thứ nhất thiếu bà Đ 40.400.000 đồng, dây hội thứ hai thiếu bà Đ 75.500.000 đồng theo giấy chồng bà là ông L viết. Tổng cộng là 115.900.000 đồng. Như vậy, bà thừa nhận có thiếu bà Đ số tiền 115.900.000 đồng. Do bà Đ thiếu nợ bà nên bà cản trừ nợ với bà Đ số tiền 115.900.000 đồng. Vì đã cản trừ nợ xong nên bà không còn thiếu tiền hội bà Đ nữa. Việc bà Đ thiếu nợ bà cũng như việc cản trừ nợ do thời gian đã lâu nên bà không còn giữ giấy tờ gì.

Bị đơn ông Ngô Tấn L đã được Tòa án cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Q trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị Đ. Việc bà Đ chơi hụi do bà T, ông L làm chủ thảo như thế nào thì ông không biết. Đến khi bà T, ông L bị bắt hụi thì ông mới biết là bà Đ có chơi hụi của bà T, ông L. Lúc này, bà Đ nói với ông là bà Đ đã yêu cầu được hốt hụi nhiều lần nhưng bà T, ông L chưa giao tiền hụi cho bà Đ, khi chơi hụi bà Đ lấy tên là “10 Q” hoặc “vợ 10 Quân”. Tiền bà Đ chơi hụi là tiền chung của vợ chồng. Nhưng bà Đ là người trực tiếp chơi hụi, đóng tiền hụi. Ông hoàn toàn không tham gia và không biết. Do đó, ông không khởi kiện để yêu cầu bà T, ông L trả tiền hụi. Ông đồng ý để bà Đ khởi kiện, ông thống nhất với ý kiến, yêu cầu của bà Đ là yêu cầu bà T, ông L trả tiền hụi còn nợ cho bà Đ. Ông không yêu cầu hay tranh chấp gì.

Tại Bản án số 03/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298, 479; Điều 288, 357, 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ đối với bị đơn bà T và ông L. Buộc bà T và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số tiền hụi còn nợ là 115.900.000 (một trăm mười lăm triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ đối với bị đơn bà T và ông L về việc yêu cầu trả tiền hụi với số tiền không được chấp nhận yêu cầu là 75.500.000 (bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T và ông L phải liên đới chịu 5.795.000 (năm triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Bà Đ được miễn tiền án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 191.400.000 (một trăm chín mươi một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Đ có lời trình bày: Bà đờn kháng cáo yêu cầu buộc bà T trả số tiền 151.000.000 đồng. Do sơ sót nên nên ông L chỉ lập 01 tờ giấy ghi nhận

việc hốt hụi và ghi số tiền hốt hụi là 75.500.000 đồng nhưng trong đó có trừ 5.000.000 đồng tiền hoa hồng của chủ hụi đối với 02 phần hụi (2.500.000 đồng/phần). Trong thời gian Tòa án chuẩn bị xét xử, bà có đến gặp ông L để yêu cầu ông L xác nhận bà tham gia 02 phần hụi của dây hụi này và số tiền hốt hụi là $75.500.000 \text{ đồng} \times 2 = 151.000.000 \text{ đồng}$ nhưng ông L không xác nhận. Căn cứ để chứng minh bà có tham gia 02 phần hụi là bà T trừ tiền hoa hồng của 02 phần là 5.000.000 đồng.

Bị đơn bà T vắng mặt không có lời trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Căn cứ vào giấy của ông L lập ghi nhận việc bà Đ hốt hụi và ghi số tiền hốt hụi là 75.500.000 đồng. Bà Đ trình bày tham gia 02 phần nên số tiền hốt là 151.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm bà T thừa nhận bà Đ tham gia dây hụi thứ nhất thiếu bà Đ 40.400.000 đồng, dây hụi thứ hai thiếu bà Đ 75.500.000 đồng theo giấy chồng bà là ông L viết. Tổng cộng là 115.900.000 đồng, tuy nhiên do bà Đ nợ tiền của bà nên đã cản trừ xong. Bà T không chứng minh việc cản trừ nợ nên cấp sơ thẩm buộc bà T trả 115.900.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền 75.000.000 đồng bà Đ yêu cầu nhận 02 dây hụi, tuy nhiên bà T không đồng ý, bà Đ không có căn cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Vào năm 2007, bà Huỳnh Thị Đ có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Trần Thu T và ông Ngô Tấn L làm chủ thảo, cụ thể: Dây hụi thứ nhất gồm 23 phần, mỗi tháng đóng 500.000 đồng/phần, mở hụi ngày 25/11/2007 (âm lịch), bà Đ tham gia 04 phần. Bà Đ đóng đến ngày 25/4/2009 (âm lịch) bà Đ hốt cả 04 phần

hụi. Với số tiền cụ thể như sau: 5 phần sống x 370.000 đồng = 1.850.000 đồng và 17 phần chết x 500.000 đồng = 8.500.000 đồng. Tổng cộng là 10.350.000 đồng trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi là 250.000 đồng, còn lại số tiền hốt hụi mỗi phần là 10.100.000 đồng. Bà Đ hốt 04 phần x 10.100.000 đồng/phần = 40.400.000 đồng. Nhưng khi hốt hụi, bà T và ông L không giao tiền cho bà Đ nên bà Đ yêu cầu bà T và ông L trả số tiền hụi còn nợ của dây hụi này là 40.400.000 đồng. Bà T cũng thừa nhận thiếu bà Đ số tiền 40.400.000 đồng đối với dây hụi này.

[3.2] Dây hụi thứ hai gồm 20 phần, mỗi tháng đóng 5.000.000 đồng/phần. Bà Đ trình bày bà Đ tham gia 02 phần hụi, số tiền hốt hụi mỗi phần là 75.500.000 đồng x 2 = 151.000.000 đồng nên bà Đ yêu cầu bà T và ông L trả số tiền hụi còn nợ của dây hụi này là 151.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại giấy ghi nhận việc hốt hụi do bà Đ cung cấp thể hiện: Ngày 05/02/2009 (âm lịch) bà Đ hốt hụi. Với số tiền hốt hụi cụ thể như sau: 8 phần sống x 3.500.000 đồng = 28.000.000 đồng và 11 phần chết x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng.

[3.3] Tổng cộng là 83.000.000 đồng trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi là 2.500.000 đồng không phải 5.000.000 đồng như bà Đ trình bày, trừ khoản khác 5.000.000 đồng, còn lại số tiền hốt hụi là 75.500.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định bà Đ tham gia 01 phần hụi đối với dây hụi này và số tiền bà Đ hốt hụi là 75.500.000 đồng nhưng bà T và ông L không giao tiền cho bà Đ. Ngoài ra, tại phiên tòa bà Đ trình bày, trong thời gian Tòa án chuẩn bị xét xử, bà có đến gặp ông L để yêu cầu ông L xác nhận bà tham gia 02 phần hụi của dây hụi này và số tiền hốt hụi là 75.500.000 đồng x 2 = 151.000.000 đồng nhưng ông L không xác nhận. Như vậy, bà Đ không có chứng cứ chứng minh bà Đ tham gia 02 phần hụi đối với dây hụi này. Đồng thời, bà T chỉ thừa nhận dây hụi này bà T thiếu bà Đ 75.500.000 đồng.

[3.4] Bà T thừa nhận thiếu bà Đ số tiền hụi tổng cộng là 115.900.000 đồng, gồm 40.400.000 đồng đối với dây hụi 500.000 đồng/phần và 75.500.000 đồng đối với dây hụi 5.000.000 đồng/phần. Nhưng bà T cho rằng do bà Đ thiếu nợ bà T nên bà T cần trừ nợ với bà Đ số tiền 115.900.000 đồng, lời trình bày này của bà T không được bà Đ thừa nhận. Bà T không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc bà Đ thiếu nợ bà T cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh việc cần trừ số tiền hốt hụi 115.900.000 đồng của bà Đ vào số tiền mà bà Đ nợ bà T.

[4] Từ những phân tích tại mục [3] không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đ. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Đ được miễn án phí.

3. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7 – Tây Ninh;
- THA DS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền